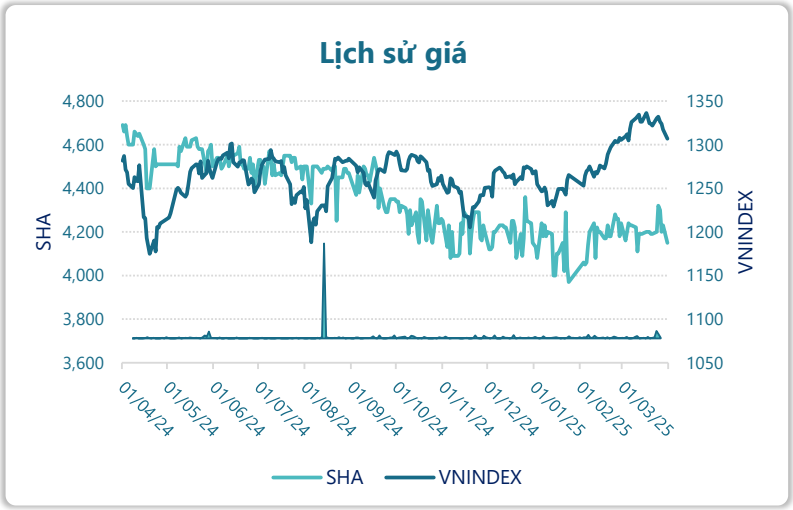
FireAnt

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,690
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,970
SL cổ phiếu LH	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,595
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
P/E	9.6
EPS	431

DT thuần

Q1/25

278

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.0| -8.8%

YoY: ▲ 4.00| 1.6%

LN sau thuế

Q1/25

3.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.79| 85.7%

YoY: ▲ 0.49| 14.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

1,140

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0| 5.2%

LN sau thuế

2024

13.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.10| 9.0%

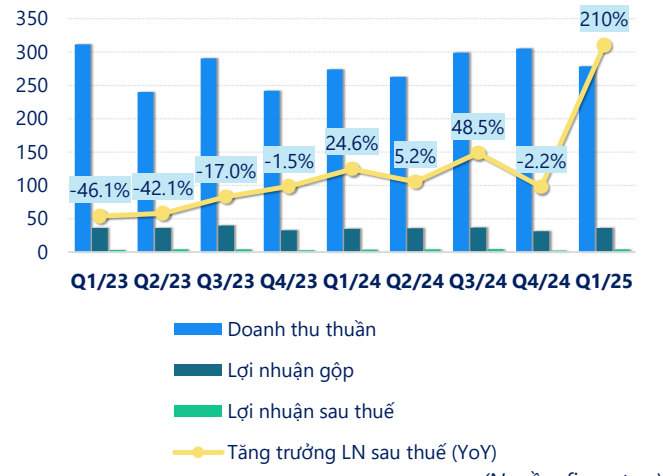
ROE

2024

3.2%

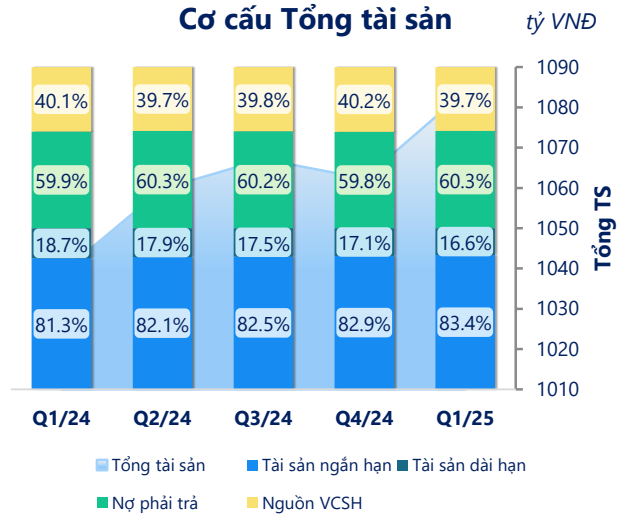
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



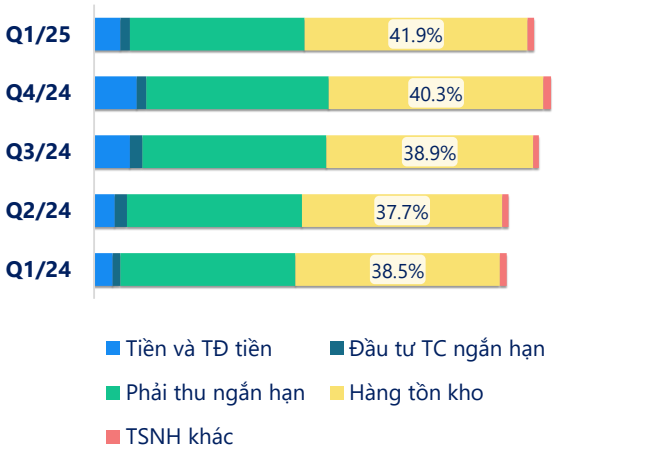
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



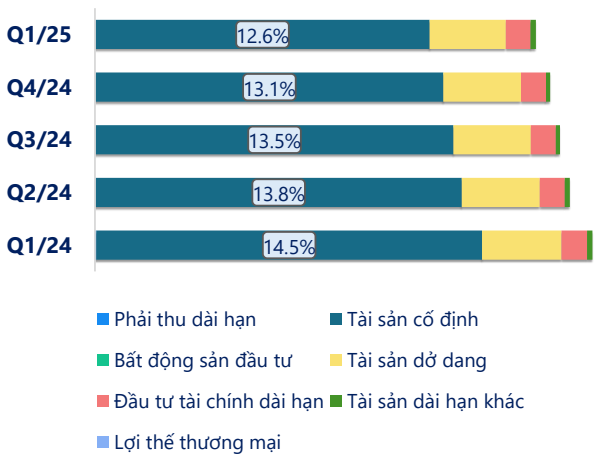
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



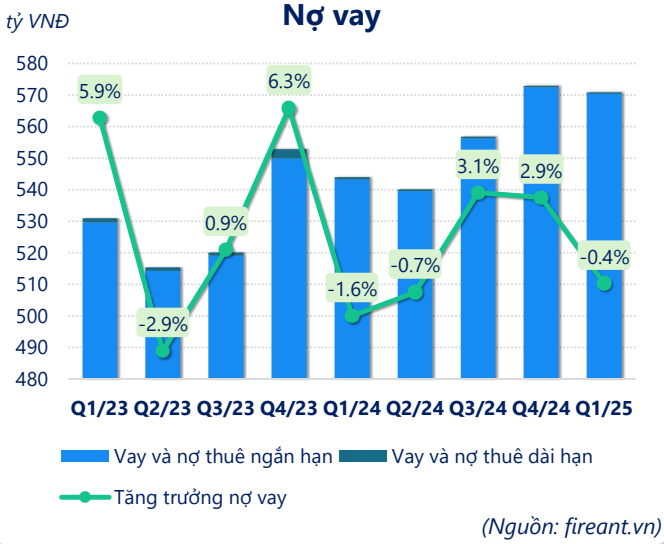
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



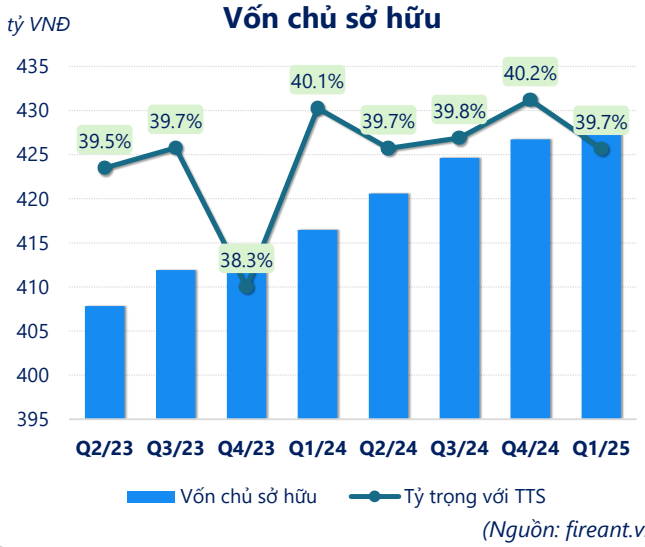
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



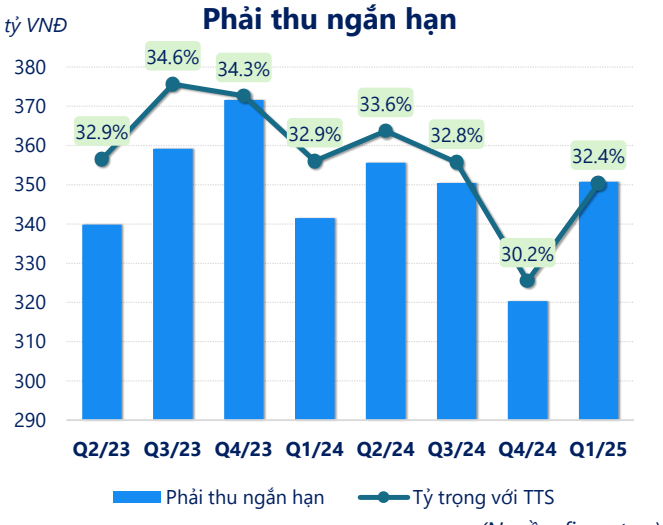
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



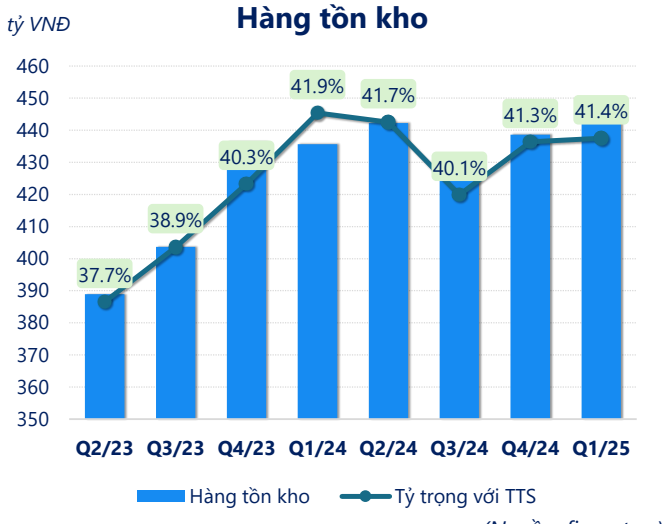
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



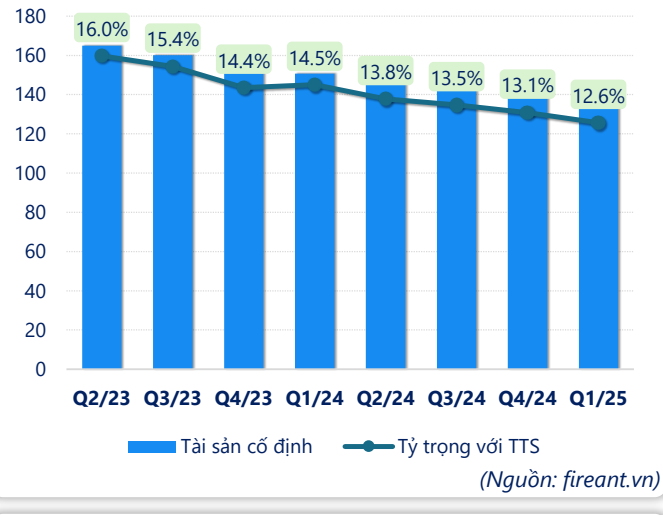
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



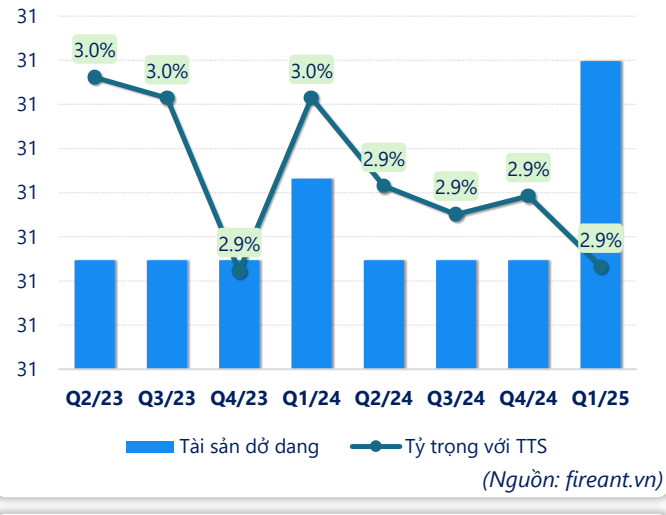
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



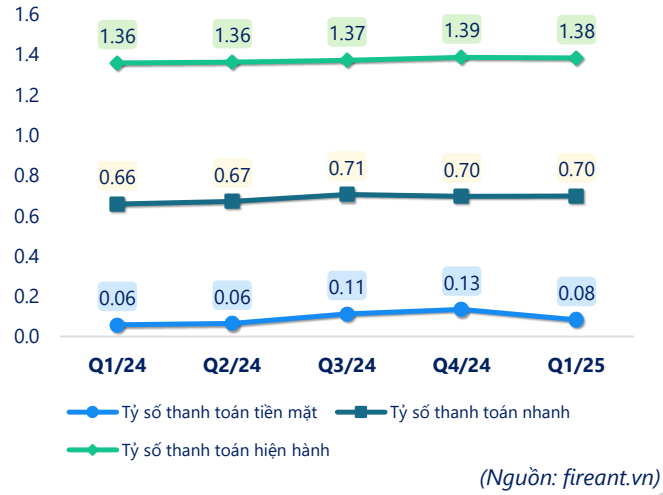
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



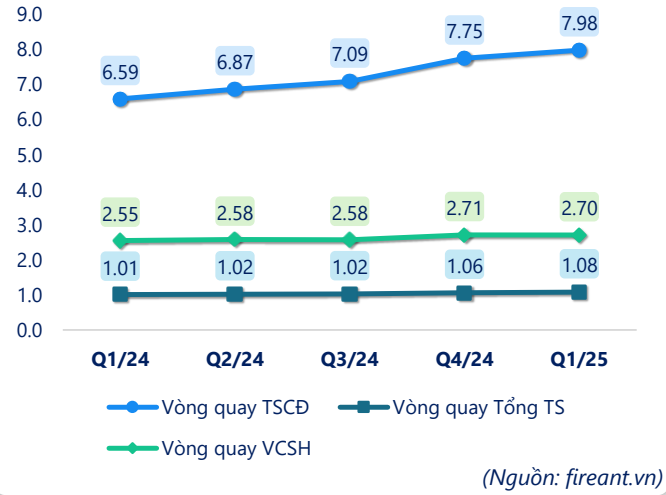
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,039**	**1,060**	**1,067**	**1,062**	**1,084**
Tài sản ngắn hạn	**845**	**870**	**881**	**880**	**904**
Tiền và tương đương tiền	36.2	41.1	72.1	85.4	53.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.2	19.2	21.2	26.2	42.2
Phải thu ngắn hạn	341	356	350	320	351
Hàng tồn kho	436	442	428	439	448
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	12.4	9.03	10.00	8.90
Tài sản dài hạn	**194**	**189**	**187**	**182**	**180**
Phải thu dài hạn	0.55	0.20	0.20	0.20	0.22
Tài sản cố định	151	146	144	139	136
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	31.1	31.0	31.0	31.0	31.1
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	2.03	1.97	1.60	1.60	2.23
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**622**	**639**	**643**	**636**	**654**
Nợ ngắn hạn	**621**	**638**	**642**	**635**	**654**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	543	539	556	572	570
Phải trả người bán ngắn hạn	64.3	79.6	65.7	42.1	65.9
Nợ dài hạn	1.03	0.85	0.79	0.74	0.27
Vay và nợ thuê dài hạn	0.79	0.62	0.56	0.51	0.45
Nguồn vốn chủ sở hữu	**416**	**421**	**425**	**427**	**430**
Vốn chủ sở hữu	**416**	**421**	**425**	**427**	**430**
Vốn điều lệ	334	334	334	334	334
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)